

CHÍNH SÁCH TỰ CHỦ ĐẠI HỌC TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG Á VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

Nguyễn Thành Hưng
Trường Đại học Thái Bình Dương

Tóm tắt: Tự chủ đại học là một trong những yếu tố then chốt thúc đẩy đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đại học trên thế giới, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cạnh tranh toàn cầu. Nghiên cứu này tập trung phân tích các mô hình tự chủ đại học và chính sách thực thi tại một số quốc gia Đông Á tiêu biểu như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Đài Loan. Qua việc so sánh, đánh giá ưu nhược điểm của từng mô hình, bài viết rút ra những bài học kinh nghiệm quý giá và đề xuất các khuyến nghị phù hợp nhằm thúc đẩy quá trình tự chủ đại học tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho các nhà hoạch định chính sách trong việc xây dựng và hoàn thiện chính sách tự chủ đại học, từ đó nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng đào tạo đại học tại Việt Nam.

Từ khóa: Chính sách, Giáo dục đại học, Tự chủ đại học, Việt Nam, Đông Á

UNIVERSITY AUTONOMY POLICIES IN SELECTED EAST ASIAN COUNTRIES AND LESSONS FOR VIETNAM

Nguyen Thanh Hung
Thai Binh Duong University

Abstract: University autonomy is a critical factor driving innovation and improving the quality of higher education amid globalization and international competition. This article analyzes models of university autonomy and the implementation policies in selected East Asian countries, including Japan, South Korea, China, and Taiwan. Through comparative evaluation of their strengths and weaknesses, the study derives key lessons learned and proposes relevant policy recommendations to advance university autonomy in Vietnam. The findings offer theoretical and practical foundations for policymakers to develop and enhance autonomy policies, thereby improving governance efficiency and the quality of higher education in Vietnam.

Keywords: Policy, East Asia, Higher education, Autonomy, Vietnam

Nhận bài: 23/04/2025

Phản biện: 23/05/2025

Duyệt đăng: 27/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh quốc tế gay gắt, tự chủ đại học được coi là yếu tố then chốt để nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học (World Bank, 2020). Khả năng tự quyết về tổ chức, tài chính, nhân sự và học thuật cho phép các trường đại học thích ứng linh hoạt với yêu cầu đổi mới, bảo đảm phát triển bền vững trong bối cảnh hiện nay.

Tại Việt Nam, chủ trương thúc đẩy tự chủ đại học được thể hiện rõ qua Luật Giáo dục đại học năm 2012 và các văn kiện quan trọng như Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, theo báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), hiện nay chỉ khoảng 30% trường đại học công lập ở Việt Nam đạt mức tự chủ tài chính cao; nhiều trường vẫn phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước, dẫn đến hạn chế khả năng đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc phân tích kinh nghiệm chính sách tự chủ đại học tại các quốc gia Đông Á tiêu biểu (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Đài Loan) - những nước đã đạt nhiều tiến bộ trong triển khai tự chủ, là đặc biệt cần thiết. Những bài học rút ra từ các

mô hình tự chủ ở các quốc gia này sẽ cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để Việt Nam xây dựng chính sách tự chủ đại học hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu phát triển của đất nước.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên phương pháp định tính, sử dụng kỹ thuật phân tích tài liệu và so sánh chính sách. Nguồn tư liệu bao gồm các báo cáo chính thức, văn bản pháp luật, tài liệu học thuật và nghiên cứu trước đây liên quan đến tự chủ đại học ở các quốc gia Đông Á và Việt Nam. Phân tích tập trung so sánh mô hình và chính sách tự chủ đại học, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất phù hợp cho Việt Nam. Ngoài ra, nghiên cứu còn phân tích các số liệu thống kê liên quan nhằm làm rõ thực trạng tự chủ đại học ở Việt Nam và các nước tham khảo, qua đó nâng cao tính thuyết phục và ý nghĩa thực tiễn của kết quả nghiên cứu.

2.2. Nội dung nghiên cứu

2.2.1. Khái niệm về tự chủ đại học

Tự chủ đại học được hiểu là quyền tự quyết và khả năng điều hành của cơ sở giáo dục đại học

trong quản lý nội bộ nhằm thực hiện sứ mệnh cốt lõi, không phân biệt loại hình sở hữu hay hoạt động (de Boer et al., 2007). Theo OECD (2017), tự chủ đại học bao gồm quyền tự quản trên các lĩnh vực tài chính, nhân sự, chương trình đào tạo và nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng giáo dục.

UNESCO (1998) trong Tuyên bố về Giáo dục Đại học cũng nhấn mạnh rằng các trường đại học, đặc biệt là đại học công lập, có quyền tự chủ trong nhiều mặt: phát triển chương trình giảng dạy và nghiên cứu; tuyển dụng nhân sự học thuật và hành chính; quản lý nguồn lực tài chính; lựa chọn và bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị học thuật và lãnh đạo cao nhất; đồng thời tạo ra và sử dụng các nguồn thu bổ sung nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của nhà trường. Quan điểm này được UNESCO tái khẳng định trong các tài liệu gần đây (UNESCO, 2015), cho thấy tầm quan trọng của tự chủ đại học trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế.

Tại Việt Nam, bên cạnh các quan điểm quốc tế, pháp luật Việt Nam cũng đã đưa ra định nghĩa chính thức về tự chủ đại học để làm căn cứ cho các trường đại học triển khai thực hiện. Theo khoản 1 Điều 32 Luật Giáo dục đại học 2012 (Quốc hội, 2012), tự chủ đại học là việc trường đại học thực hiện quyền tự chủ trong các lĩnh vực: tổ chức và nhân sự; tài chính và tài sản; đào tạo; khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế; bảo đảm chất lượng giáo dục đại học. Quy định này tạo nền tảng pháp lý quan trọng, vừa bảo đảm tính linh hoạt, sáng tạo trong quản lý, vừa bảo đảm các trường tuân thủ khung pháp lý chung của Nhà nước.

2.2.2. Vai trò và ý nghĩa của tự chủ đại học đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục đại học

Thứ nhất, cơ chế tự chủ cho phép trường đại học chủ động thiết kế, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn của xã hội, nhu cầu thị trường lao động cũng như theo kịp xu thế phát triển khoa học - công nghệ. Khi các trường được linh hoạt trong thiết kế chương trình, họ có thể cập nhật nội dung đào tạo theo hướng đa ngành, liên ngành và ứng dụng thực tiễn, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh và thích nghi của sinh viên (Stensaker & Välimaa, 2018). Điều này không chỉ cải thiện chất lượng đào tạo mà còn giúp sinh viên phát triển toàn diện, đáp ứng tốt các yêu cầu về kỹ năng và kiến thức trong môi trường làm việc hiện đại.

Thứ hai, quyền tự chủ trong quản lý tài chính và nguồn lực giúp các trường tối ưu hóa việc sử

dụng ngân sách, ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các lĩnh vực trọng yếu như nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và phát triển hạ tầng công nghệ thông tin. Salmi (2009) cho rằng tự chủ tài chính là một trong những điều kiện tiên quyết để trường đại học nâng cao năng lực nghiên cứu, thu hút và giữ chân các nhà khoa học xuất sắc, qua đó thúc đẩy phát triển tri thức và nâng cao uy tín học thuật. Bên cạnh đó, tự chủ tài chính còn cho phép trường đại học đa dạng hóa nguồn thu thông qua hoạt động dịch vụ, đào tạo sau đại học, hợp tác quốc tế..., giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

Thứ ba, tự chủ trong quản trị nhân sự giúp xây dựng môi trường làm việc linh hoạt, sáng tạo và hấp dẫn đối với giảng viên, nhà nghiên cứu. Khi được quyền tự quyết về tuyển dụng, đánh giá, đào tạo và đãi ngộ nhân sự, các trường có thể thu hút và giữ chân đội ngũ cán bộ chất lượng cao, đồng thời nâng cao sự gắn bó và cam kết của họ với sứ mệnh phát triển nhà trường (Kazar, 2014). Một môi trường làm việc minh bạch, công bằng cũng tạo điều kiện thuận lợi để đổi mới phương pháp giảng dạy và nghiên cứu, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục đại học.

Thứ tư, tự chủ đại học là tiền đề để phát huy hiệu quả hợp tác quốc tế, qua đó tăng cường trao đổi học thuật, nghiên cứu chung và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. OECD (2017) chỉ ra rằng các trường có mức độ tự chủ cao thường chủ động hơn trong việc thiết lập quan hệ đối tác quốc tế, tạo điều kiện cho sinh viên và giảng viên tham gia các chương trình trao đổi, hợp tác nghiên cứu đa ngành, từ đó nâng cao uy tín và vị thế của trường trên trường quốc tế. Hợp tác quốc tế đồng thời là kênh quan trọng giúp các trường tiếp thu kinh nghiệm quản trị và công nghệ giáo dục tiên tiến.

Thứ năm, tự chủ đại học đòi hỏi các trường phải chủ động xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, đồng thời chịu trách nhiệm giải trình trước xã hội và cơ quan quản lý về kết quả đào tạo của mình. Theo de Boer et al. (2007), cơ chế tự chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo thúc đẩy các trường minh bạch hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả quản trị và tạo dựng niềm tin từ người học, nhà tuyển dụng cũng như cộng đồng. Việc thiết lập hệ thống kiểm định và đánh giá chất lượng nội bộ là công cụ quan trọng nhằm duy trì chất lượng giáo dục ở mức cao và cải tiến liên tục.

2.3. Các mô hình tự chủ đại học điển hình trên thế giới

Một là, mô hình tự chủ toàn diện được áp dụng phổ biến ở các quốc gia Bắc Âu như Phần Lan, Đan Mạch và Thụy Điển. Ở các nước này, các trường đại học được trao quyền tự chủ cao trên nhiều lĩnh vực bao gồm tổ chức, tài chính, nhân sự và chương trình đào tạo. Theo báo cáo của Hiệp hội Đại học châu Âu (EUA, 2023), việc trao quyền tự chủ toàn diện giúp các trường đại học Bắc Âu linh hoạt điều chỉnh chiến lược phát triển và chương trình đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội và thị trường lao động.

Hai là, mô hình tự chủ có điều kiện tại Hoa Kỳ. Các trường đại học công lập thường được trao quyền tự chủ lớn về thiết kế chương trình, tuyển dụng nhân sự và quản lý tài chính, nhưng mức độ tự chủ cụ thể khác nhau tùy quy định của từng bang và từng trường. Báo cáo của Higher Education Policy Institute (HEPI, 2024) cho thấy một số trường công lập ở Mỹ có quyền tự chủ rất cao, trong khi số khác vẫn chịu sự giám sát chặt chẽ của chính quyền bang.

Ba là, mô hình tự chủ theo khuôn khổ pháp lý tại Ấn Độ được triển khai thông qua sáng kiến ‘Institutions of Eminence’ (IoE) – chương trình nhằm trao quyền tự chủ mở rộng cho một số trường đại học xuất sắc. Theo đó, các trường được tự chủ nhiều hơn về tài chính, nhân sự và chương trình đào tạo; đồng thời được phép huy động nguồn lực đầu tư bên ngoài ngân sách nhà nước để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu (Ministry of Education India, 2023).

2.4. Chính sách tự chủ đại học của một số quốc gia Đông Á

Tự chủ đại học tại các quốc gia Đông Á được triển khai theo những cách thức đặc thù riêng, phản ánh bối cảnh chính trị, xã hội và văn hóa khác biệt, đồng thời là kết quả của quá trình cải cách giáo dục lâu dài nhằm nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh quốc tế.

Thứ nhất, Nhật Bản đã áp dụng mô hình tự chủ dựa trên Luật Cơ quan Đại học Quốc gia (2003), theo đó các trường đại học quốc gia chuyển đổi thành các tổ chức độc lập có tư cách pháp nhân. Chính sách này trao quyền tự chủ rộng rãi cho các trường về tài chính, nhân sự, học thuật, đồng thời yêu cầu cơ chế giải trình chặt chẽ đối với Bộ Giáo dục. Nhật Bản chú trọng phát triển mô hình tự chủ “có kiểm soát”, giúp các trường linh hoạt huy động nguồn lực và đổi mới quản trị, nhưng vẫn đảm bảo ổn định và minh bạch.

Thứ hai, Hàn Quốc theo đuổi chính sách trao quyền tự chủ đại học đi kèm tăng cường đầu tư công và khuyến khích cạnh tranh giữa các trường. Luật Giáo dục Đại học (1999, đã sửa đổi) cho phép các trường tự quyết nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong quản lý nhân sự và tài chính. Chính phủ Hàn Quốc áp dụng tiêu chí đánh giá định kỳ nghiêm ngặt để giám sát việc thực thi quyền tự chủ, đồng thời có cơ chế thưởng phạt rõ ràng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu (Park & Kim, 2022). Cách làm này tạo ra sự cân bằng giữa quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình, giúp hệ thống đại học Hàn Quốc phát triển bền vững.

Thứ ba, Trung Quốc áp dụng mô hình “tự chủ có định hướng”, trong đó Nhà nước vẫn giữ vai trò điều tiết mạnh mẽ. Các đại học trọng điểm như Bắc Kinh, Thanh Hoa được trao quyền tự chủ nhất định về tài chính, nhân sự, xây dựng chương trình đào tạo nhưng trong khuôn khổ các chỉ tiêu và mục tiêu phát triển quốc gia. Chính sách này vừa tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo, vừa đảm bảo các trường thực hiện những nhiệm vụ chiến lược quốc gia (Li & Zhang, 2023). Đồng thời, cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả được tăng cường để duy trì tính đồng bộ và hiệu quả chung của hệ thống.

Thứ tư, Đài Loan đi đầu trong việc xây dựng mô hình tự chủ đại học linh hoạt và toàn diện, với Luật Trường Đại học (University Act) quy định quyền tự chủ rộng rãi về tài chính, nhân sự và học thuật. Các trường đại học ở Đài Loan tự chủ trong việc huy động và sử dụng nguồn lực tài chính, phát triển chương trình đào tạo phù hợp với thị trường lao động và xu hướng công nghệ mới. Chính phủ Đài Loan còn hỗ trợ các trường thông qua quỹ khuyến khích đổi mới sáng tạo và mở rộng hợp tác quốc tế (Chen, 2022). Mô hình này đã giúp nâng cao vị thế cạnh tranh của giáo dục đại học Đài Loan trong khu vực cũng như trên thế giới.

2.5. Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam trong thời gian tới

Thứ nhất, hoàn thiện và cụ thể hóa khung pháp lý về tự chủ đại học. Việt Nam cần xây dựng hệ thống văn bản pháp luật minh bạch, chi tiết quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của các trường trong từng lĩnh vực tự chủ, cũng như các quy trình giám sát, đánh giá đi kèm. Khung pháp lý vững chắc sẽ là nền tảng để các trường thực thi quyền tự chủ, đồng thời ngăn ngừa sai phạm, lạm quyền và đảm bảo sự công bằng giữa các cơ sở giáo dục đại học.

Thứ hai, thúc đẩy quyền tự chủ tài chính song

song với đa dạng hóa nguồn lực cho giáo dục đại học. Nhà nước nên khuyến khích các trường đại học tìm kiếm nguồn thu ngoài ngân sách như hợp tác với doanh nghiệp, chương trình đào tạo theo hợp đồng, dịch vụ khoa học - công nghệ, các dự án quốc tế... Bên cạnh đó, cần hoàn thiện cơ chế quản lý và giám sát tài chính nhằm đảm bảo minh bạch, hiệu quả, tránh lãng phí, tham nhũng. Chỉ khi được trao quyền tự chủ tài chính thực chất, các trường đại học mới có điều kiện chủ động đầu tư cải thiện cơ sở vật chất, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và nâng cao chất lượng đào tạo.

Thứ ba, xây dựng cơ chế quản trị nhân sự linh hoạt, minh bạch, tạo động lực phát triển cho đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu. Trao quyền tự chủ trong tuyển dụng, đánh giá, khen thưởng và phát triển nhân sự sẽ giúp các trường thu hút và giữ chân giảng viên, nhà khoa học có năng lực; đồng thời thúc đẩy môi trường học thuật sáng tạo, gắn kết với mục tiêu phát triển của nhà trường. Chính sách đãi ngộ và lộ trình thăng tiến cần được quy định rõ ràng, công bằng và cập nhật thường xuyên, phù hợp với nhu cầu cũng như xu hướng mới.

Thứ tư, đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ theo tiêu chuẩn quốc tế. Các trường cần thiết lập quy trình kiểm định chất lượng và đánh giá định kỳ, tham gia các tổ chức kiểm định quốc tế, qua đó không chỉ nâng cao uy tín mà còn tạo nền tảng cho cải tiến liên tục trong đào tạo và nghiên cứu. Song song đó, tăng cường hợp tác quốc tế sẽ giúp mở rộng mạng lưới học thuật, trao đổi giảng viên - sinh viên và nâng cao năng lực cạnh tranh của các trường đại học

Việt Nam trên phạm vi quốc tế.

Thứ năm, thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình hiệu quả, minh bạch. Tự chủ đại học không đồng nghĩa với tự do tuyệt đối; các trường phải đi đôi quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình rõ ràng trước Nhà nước, xã hội và người học. Việt Nam nên phát triển bộ công cụ đánh giá đa chiều (kiểm toán tài chính, đánh giá chất lượng đào tạo - nghiên cứu, báo cáo định kỳ công khai) để đảm bảo cân bằng giữa quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình. Những biện pháp này sẽ góp phần củng cố niềm tin của xã hội và các bên liên quan vào hệ thống giáo dục đại học.

III. KẾT LUẬN

Tự chủ đại học tiếp tục được khẳng định là yếu tố then chốt giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đại học, đồng thời tăng khả năng thích ứng của các trường trước biến động xã hội và nhu cầu thị trường lao động. Kinh nghiệm từ các quốc gia Đông Á cho thấy tự chủ đại học chỉ thành công khi đạt được sự cân bằng hợp lý giữa quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình. Đây là bài học quan trọng để Việt Nam tham khảo nhằm hoàn thiện chính sách và phát triển giáo dục đại học một cách hiệu quả, bền vững. Tuy nhiên, quá trình thực hiện tự chủ đại học tại Việt Nam vẫn đang đối mặt nhiều thách thức về pháp lý, tài chính và quản trị. Trong những nghiên cứu tiếp theo, tác giả sẽ tập trung đánh giá thực trạng tự chủ ở từng loại hình trường, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tự chủ, cũng như đề xuất cơ chế giám sát phù hợp nhằm đảm bảo minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023.
- Chen, L. (2022). University autonomy and innovation policy in Taiwan: Strategies for global competitiveness. *Asia Pacific Education Review*, 23(1), 45-58. <https://doi.org/10.1007/s12564-021-09754-3>
- de Boer, H., Enders, J., & Schimank, U. (2007). On the way towards new public management? The governance of university systems in England, the Netherlands, Austria, and Germany. In D. Jansen (Ed.), *New forms of governance in research organizations: Disciplinary approaches, interfaces and integration* (pp. 137-152). Springer. https://doi.org/10.1007/978-1-4020-5831-8_5
- European University Association (EUA). (2023). University Autonomy Scorecard: Update 2024. European University Association.
- Higher Education Policy Institute (HEPI). (2024). An overview of US higher education. Higher Education Policy Institute.
- Kezar, A. (2014). *How colleges change: Understanding, leading, and enacting change*. Routledge.
- Li, W., & Zhang, X. (2023). Governance and autonomy in Chinese higher education: Balancing state control and institutional freedom. *Higher Education Policy*, 36(2), 195-212. <https://doi.org/10.1057/s41307-022-00262-y>
- Ministry of Education India. (2023). *Institutions of Eminence: Policy Framework*. Government of India.
- OECD. (2017). *Education at a Glance 2017: OECD Indicators*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/eag-2017-en>
- Park, S., & Kim, H. (2022). University autonomy and accountability in South Korea: Policy reforms and implications. *International Journal of Educational Development*, 89, 102562. <https://doi.org/10.1016/j.ijedudev.2022.102562>
- Parajuli, D., Vo, D. K., Salmi, J., & Tran, N. T. A. (2020). Improving the performance of higher education in Vietnam: Strategic priorities and policy options. World Bank.
- Quốc hội. (2012). *Luật Giáo dục đại học (sửa đổi, bổ sung năm 2018)*.
- Salmi, J. (2009). *The challenge of establishing world-class universities*. World Bank Publications.
- Stensaker, B., & Välimaa, J. (2018). University quality assurance: Implications for organizational culture and university autonomy. *Higher Education Policy*, 31(4), 523-540. <https://doi.org/10.1057/s41307-018-0103-2>
- UNESCO. (1998). *World declaration on higher education for the twenty-first century: Vision and action*. Paris: UNESCO.
- UNESCO. (2015). *Rethinking education: Towards a global common good?* UNESCO Publishing.
- Yamamoto, S. (2021). Can self-autonomy be protected in universities in the near future? *Japanese Journal of Higher Education Research*, 24, 131-151. https://doi.org/10.32116/jaher.24.0_131